| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ TIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số:29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/8/2022
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Đình Đăng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị An.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 77/3, hẻm R, Khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 77/3, hẻm R, Khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hà Tiên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/1997. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng 4 đến 5 năm nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1.Nguyễn Trần Thanh H, giới tính nam, sinh ngày 08/04/1999 (đã trưởng thành) nên bà không yêu cầu xem xét.

2.Nguyễn Trần Duy Đ, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2005, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 11/7/2022 như sau:*

Ông và bà Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hà Tiên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang như bà H trình bày, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nay bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thanh H, giới tính nam, sinh ngày 08/04/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Trần Duy Đ, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2005, khi con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đồng Xét Xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Hvà ông Nguyễn Văn P chung sống và được UBND thị trấn Hà Tiên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 29/12/1997 nên đây là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị H ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Duy Đ giới tính nữ sinh ngày 09/6/2005 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phần tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị Hội Đồng Xét Xử miễn xem xét.

Về án phí: Buộc bà Hiền chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn P cư trú tại Khu phố 4, phường Đ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn P có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn P chung sống và có đăng ký kết hôn, được tại UBND thị trấn Hà Tiên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/1997, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H, ông P đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương,quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của bà H, ông P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên để chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn P có hai con chung gồm Nguyễn Trần Thanh H, giới tính nam, sinh ngày 08/04/1999 (đã trưởng thành) nên không xem xét giải quyết, Đối với Nguyễn Trần Duy Đ, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2005, hiện nay cháu Đ đang sống cùng bà H, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng, đồng thời cháu Đ có nguyện vọng được sống cùng với bà H khi ông bà ly hôn, do đó Hội Đồng Xét Xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Trần Duy Đ cho bà Trần Thị H nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận ý kiến bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Duy Đ, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2005 cho bà Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận ý kiến bà H không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà Trần Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn P trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000434 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, nên không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Đăng**

*Nơi nhận:*
*- TAND tỉnh KG;*
*- VKSND tỉnh Kiên Giang*
*- VKSND thành phố Hà Tiên;*
*- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;*
*- UBND phường Pháo Đài;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**Giang Phước Thành**